

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2023/DS-ST**

Ngày: 05/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: Số A đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Phong L- Trưởng phòng phòng G thuộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N (theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2023), có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Bò Văn H, sinh năm 1992; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1990; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ D, Khu phố I, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn bà Vũ Thị Phong L trình bày:

Ngày 12/9/2018, giữa Ngân hàng TMCP N1- Chi nhánh B – Phòng G1 với ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 ký kết Hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 210.000.000đ;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo giải ngân khoản nợ đầu tiên;
- Lãi suất: 7,7%/năm và cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được thay đổi theo biên độ.
- Mục đích vay: Bu đắp mua xe ô tô 05 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Kia Morning, biển số 61A-362.06.
- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe ô tô 05 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Kia Morning, biển số 61A-362.06 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà L1 đã trả được cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 164.500.000đ và tiền lãi trả đầy đủ đến ngày 16/01/2023 là ngưng cho đến nay dù đã được Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian trả nợ cũng như nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H và bà L1 vẫn không trả nên buộc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông Bồ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2023 là 51.673.624đ, trong đó tiền nợ gốc 45.500.000đ, tiền nợ lãi 6.173.624.

- Ngoài ra, ông Bồ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018 mà hai bên đã ký kết.

- Trong trường hợp ông Bồ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô 05 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Morning, biển số 61A-362.06 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 137TC18.VSIP ngày 12/9/2018.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H và bà L1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

- **Bị đơn ông Bồ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Bò Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương nên ngày 31/5/2023, Tòa án đã ban hành Quyết định số 51/2023/QĐST-DS chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, ngày 26/6/2023, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã ban hành Quyết định số 44/2023/QĐST-DS chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết vì cho rằng tại mục 11.2 Điều 12 Tại Hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018 hai bên thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp thì các bên lựa chọn Tòa án nơi Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B. Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có Chi nhánh giải quyết.

Như vậy, do Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B có địa chỉ tại 1 Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên hai bên thỏa thuận và lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn phù hợp theo quy định điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Bị đơn ông Bò Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà L1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy*:

[3.1] Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B – Phòng G1 và ông Bò Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 đã ký kết hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 137TC18.VSIP ngày 12/9/2018.

Ngày 13/9/2018, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho ông H và bà L1 số tiền vay 210.000.000^d theo giấy nhận nợ ngày 13/9/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà L1 trả được cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 164.500.000đ và tiền lãi trả đầy đủ đến ngày 16/01/2023 là ngưng cho đến nay.

Về phía bị đơn ông H và bà L1 đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Xét thấy: Việc ông Bò Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 ký hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP N như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Do ông Bò Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP N từ ngày 16/01/2023 cho đến nay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bò Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 trả cho ngân hàng tổng số tiền là 51.673.624đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 45.500.000đ và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2023 là 6.173.624đ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ ngày 06/9/2023, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018 và giấy nhận nợ cho đến khi thi hành án xong.

[3.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP N với ông H, bà L1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 137TC18.VSIP ngày 12/9/2018 với tài là ô tô 05 chỗ màu trắng, Morning, biển số 61A-362.06 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp mà hai bên ký kết là toàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các điều 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm nên phát sinh hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác định hiện nay chiếc xe ô tô 05 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Morning, biển số 61A-362.06 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018 đang do ông H và bà L1 quản lý, sử dụng nhưng kể từ ngày 16/01/2023 đến nay bị đơn không trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho ngân hàng tổng số tiền 51.673.624đ.

Theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật dân sự năm 2015 về phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp quy định:

1. *“Bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có quyền thỏa thuận một trong các phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau đây:*

a) Bán đấu giá tài sản;

b) Bên nhận bảo đảm tự bán tài sản;

c) Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm;

d) Phương thức khác...”

Do ông H và bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 16/01/2023 đến nay và cũng giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý thu hồi nợ nên trường hợp bà L1 và ông H không trả được số tiền nợ cho ngân hàng hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp như đã nêu trên để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[4] Trường hợp ông H và bà L1 trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho ông H và bà L1 01 bản chính 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 077804 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 51.673.624đ (Năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 45.500.000đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 6.173.624đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng) tính đến ngày 05/9/2023 theo Hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018.

Kể từ ngày 06/9/2023 đến khi thi hành án xong, ông Bồ Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 138D18.OT772.VSIP ngày 12/9/2018 và giấy nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N và ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1.

- Trường hợp ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ ô tô 05 chỗ màu trắng, Morning, biển số 61A-362.06 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 137TC18.VSIP ngày 12/9/2018 để thu hồi nợ.

- Trường hợp ông H và bà L1 trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông H và bà L1 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 077804 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp cho ông Bồ Văn H ngày 28/8/2018.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Bồ Văn H, bà Nguyễn Thị Tuyết L1 phải liên đới chịu số tiền 2.584.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2021-0002998 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Hồ Thị Hằng